



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC
LÂM ĐỒNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC
LÂM ĐỒNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

		Trang
PHẦN I	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	02 - 29
	Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
	Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập về Báo cáo tài chính	04 - 05
	Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	06 - 29
	Bảng cân đối kế toán	06 - 08
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 29
PHẦN II	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ	30 - 31
PHẦN III	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ	32 - 33
PHẦN IV	THƯ QUẢN LÝ	34 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng là Công ty TNHH Một thành viên (100% vốn nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Lâm Đồng thành Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng. Công ty chính thức hoàn tất thủ tục pháp lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 11/11/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/04/2011.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước và khai thác, sản xuất, cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ khác về ngành nước. Chi tiết các hoạt động kinh doanh khác được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo báo cáo này.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: số 14 - Quang Trung - Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo là:

Ông Võ Quang Tuấn Chủ tịch Công ty

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Quang Tuấn	Giám đốc
Ông Hà Ngọc Quế	Phó Giám đốc
Ông Võ Quốc Trang	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Số 14 Quang Trung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Phạm Văn Tuấn Giám đốc

Võ Quang Tuấn
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 06 năm 2014

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 2882...quyển số 06...TP/CCSCT/SGT
Ngày 08...tháng 12...năm 20...11.
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đoàn Quang Lưu

Số: 1071 /2014/BCKT.TC-AASC.KT5

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”), bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn có những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm những đánh giá về rủi ro của những sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính là do gian lận hoặc sai sót. Trong quá trình đánh giá về rủi ro này, kiểm toán viên phải xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp với từng tình huống cụ thể, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán do Ban Giám đốc đưa ra, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty thực hiện vốn hóa chi phí đi vay phát sinh năm 2011 từ hợp đồng vay phục vụ dự án Khu du lịch sinh thái Thung lũng Vàng Gardens (dự án đã bàn giao cho Công ty liên kết), vào tiểu dự án Tuyển cạnh tranh thuộc dự án Phát triển Cấp nước đô thị Việt Nam của Công ty với số tiền 1.055.497.222 VND. Việc vốn hóa chi phí đi vay như trên là không phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - “chi phí đi vay” làm Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và Nguyên giá TSCĐ tại thời điểm 31/12/2013 của Công ty tăng lên số tiền tương ứng là 586.522.166 VND và 468.975.056 VND; và

Năm 2013, Công ty ghi nhận cổ tức được chia từ các công ty con, công ty liên kết theo thông báo chi trả cổ tức. Tuy nhiên, năm 2012 Công ty đã tạm hạch toán theo số ước tính với số tiền là 2.421.873.862 VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, Doanh thu tài chính năm 2013 giảm đi số tiền tương ứng; và

Doanh thu và giá vốn của năm 2013 của một số công trình lắp đặt hệ thống cấp nước đã được khách hàng nghiệm thu nhưng chưa được Công ty ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh với số tiền lần lượt là 994.863.536 VND và 897.036.405 VND; và

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 1.422.345.455 VND liên quan đến việc lập quy trình vận hành, đánh giá an toàn đập hồ Tuyên Lâm và ĐanKia chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính của Công ty. Đồng thời, khoản vốn nhận từ Ngân sách để thực hiện hạng mục này đang được trình bày trên chỉ tiêu “Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác” mà không được trình bày trên chỉ tiêu “Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản” với số tiền là 1.708.710.000 VND (chi tiết tại thuyết minh 16); và

Số tiền 11.836.709.505 VND phạt chậm tiến độ đối với các nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc Tiêu dự án Tuyển cạnh tranh 6 thị trấn - Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam đã được ghi giảm Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công trình mà không được ghi tăng Thu nhập khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013; và

Việc sử dụng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 1.648.510.459 VND để xử lý xóa nợ phải thu chưa được Công ty thực hiện đầy đủ thủ tục, hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, do đó chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với BCTC năm 2013 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 30: Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2013 đã được điều chỉnh lại do Công ty đã hủy các bút toán điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trên Báo cáo tài chính năm 2012 căn cứ theo Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17/09/2010 và văn bản số 164/UBND-ĐMDN ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bao gồm vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo này lập trong khuôn khổ cuộc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng, chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Ngân hàng Thế giới, Bộ Tài chính và các bên liên quan trong khuôn khổ hợp đồng kiểm toán ký với Ban Quản lý Dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật (Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng Việt Nam).



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0063-2013-002-1

CÔNG TY TNHH HANG KIEM TOAN AASC

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2014


Trần Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0593-2013-002-1

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2890, quyển số: 06, TP/CCSCT/SGT

ngày 27 tháng 06 năm 2014

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU
S. TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đoàn Quang Lưu

H.Đ. Q.
VĂN
CÔNG
ĐOÀN Q
ĐÀ LẠT.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		39.928.631.808	36.911.035.240
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.505.497.136	3.615.840.158
111	1. Tiền		8.505.497.136	3.615.840.158
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.295.599.214	13.908.998.536
131	1. Phải thu khách hàng		2.727.494.718	5.091.486.478
132	2. Trả trước cho người bán		4.020.009.332	4.029.217.866
135	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4	5.548.095.164	6.436.804.651
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(1.648.510.459)
140	IV. Hàng tồn kho	5	18.076.264.969	15.549.838.142
141	1. Hàng tồn kho		18.076.264.969	15.549.838.142
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.051.270.489	3.836.358.404
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		57.152.500	-
154	2. Thuê và các khoản phải thu Nhà nước	6	663.190.783	3.393.187.909
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	7	330.927.206	443.170.495
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		307.441.751.008	306.542.895.243
220	II. Tài sản cố định		252.444.308.352	251.927.252.950
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	170.198.996.426	130.768.621.743
222	- Nguyên giá		241.940.305.529	195.617.219.112
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(71.741.309.103)	(64.848.597.369)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	689.285.096	780.125.712
228	- Nguyên giá		1.078.417.842	889.885.449
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(389.132.746)	(109.759.737)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	81.556.026.830	120.378.505.495
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	46.325.000.000	46.325.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		25.758.000.000	25.758.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		20.567.000.000	20.567.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.672.442.656	8.290.642.293
262	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	8.671.842.656	8.277.642.898
268	2. Tài sản dài hạn khác		600.000	12.999.395
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		347.370.382.816	343.453.930.483

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		122.527.860.436	126.029.931.161
310	I. Nợ ngắn hạn		29.217.098.075	26.757.168.800
211	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	5.962.000.000	2.981.000.000
312	2. Phải trả người bán		9.942.921.451	11.277.989.928
313	3. Người mua trả tiền trước		1.691.072.003	1.015.715.184
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	679.180.769	316.908.693
315	5. Phải trả người lao động		4.829.464.020	5.255.736.803
316	6. Chi phí phải trả	15	261.828.372	-
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	5.340.643.624	6.008.624.034
323	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		509.987.836	(98.805.842)
330	II. Nợ dài hạn		93.310.762.361	99.272.762.361
334	1. Vay dài hạn	17	92.409.918.345	98.371.918.345
339	2. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		900.844.016	900.844.016
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		224.842.522.380	217.423.999.322
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	224.842.522.380	217.423.999.322
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.961.124.886	200.961.124.886
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		6.682.357.990	3.752.309.566
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		-	2.466.290.418
421	4. Nguồn vốn đầu tư XDCB		17.199.039.504	10.244.274.452
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		347.370.382.816	343.453.930.483

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
----------	-------------	------------	------------

I. Nợ kho đòi đã xử lý (VND)	Số chứng thực 2891, quyền số 06, TP/CCSCT/SGT	3.244.996.249	1.596.485.790
- Ngoài tệ các loại	Ngày 08 tháng 12 năm 2013	100.116,04	-

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU



Võ Quang Tuấn
Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 06 năm 2014



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đoàn Quang Lưu



T
H
IC





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	124.849.257.406	112.891.573.314
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		245.761.472	335.664.845
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		124.603.495.934	112.555.908.469
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	20	107.249.550.235	96.333.130.093
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.353.945.699	16.222.778.376
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	558.831.449	2.588.628.645
22	7. Chi phí tài chính		679.081.799	334.496.027
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		679.081.799	334.496.027
24	8. Chi phí bán hàng	22	3.278.121.692	3.416.202.650
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	13.110.972.300	13.553.326.831
30	10. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		754.601.357	1.507.381.513
31	11. Thu nhập khác	24	1.879.142.785	1.253.043.474
32	12. Chi phí khác	25	761.942.205	1.025.057.142
40	13. Lợi nhuận khác		1.117.200.380	227.986.332
50	14. Tổng lãi kế toán trước thuế		1.961.801.737	1.735.367.845
51	15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	373.775.055	114.810.405
60	16. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.588.026.682</u>	<u>1.620.557.440</u>



Võ Quang Tuấn
Giám đốc

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 2892, quyển số 06, TP/CCSCT/SGT

Ngày 08 tháng 12 năm 2013.

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU



Nguyễn Văn Dũng
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 06 năm 2014

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đoàn Quang Lưu



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		140.047.722.533	125.130.614.710
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(76.803.356.172)	(70.553.888.631)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(28.359.998.171)	(24.607.614.246)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.308.578.790)	(899.466.499)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		24.765.173.654	9.398.022.506
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(47.156.300.536)	(25.424.178.283)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.184.662.518	13.043.489.557
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.872.711.678)	(45.328.431.612)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		292.888.182	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.247.313.324	850.426.695
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.332.510.172)	(44.478.004.917)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	42.768.125.958
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.981.000.000)	(14.682.616.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.981.000.000)	28.085.509.958
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.871.152.346	(3.349.005.402)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.615.840.158	6.964.845.560
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		18.504.632	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	8.505.497.136	3.615.840.158



Võ Quang Tuấn
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 06 năm 2014

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 2893, quyển số 06 TP/CCSCT/SGT

Ngày 07 tháng 12 năm 2013



Nguyễn Văn Dũng
Kế toán trưởng

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đoàn Quang Lưu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng là Công ty TNHH Một thành viên (100% vốn Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND, ngày 18/10/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Lâm Đồng thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng. Công ty chính thức hoàn tất pháp lý theo quy định của Luật doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 11/11/2005 (chứng nhận lần đầu), đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/04/2011.

Vốn điều lệ của Công ty là 183.000.000.000 VND (Bằng chữ : Một trăm tám mươi ba tỷ đồng).

Trụ sở chính tại: Số 14 Quang Trung, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Công ty hiện có các đơn vị thành viên trực thuộc phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Nhà máy nước Đà Lạt: được thành lập theo Quyết định số 84/QĐ-CTN, ngày 21/9/2007 của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng. Địa chỉ : số 343 Phan Đình Phùng, Thành Phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
- Nhà máy nước Lâm Hà: được thành lập theo Quyết định số 65-2006/QĐ-CTN, ngày 01/4/2006 của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng. Địa chỉ : Tổ 7, Thôn Sơn Hà, Thị Trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng.
- Nhà máy nước Bảo Lâm: được thành lập theo Quyết định số 64-2006/QĐ-CTN, ngày 01/4/2006 của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng. Địa chỉ : Khu phố 2, Thị Trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng.
- Xí nghiệp xây lắp và Cung ứng Vật tư - thiết bị ngành nước: được thành lập theo Quyết định số 83/QĐ-CTN, ngày 20/9/2007 của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng. Địa chỉ : số 14 Quang Trung, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
- Nhà máy Nước Đạ Tẻh: được thành lập theo Quyết định số 72/QĐ-CTN, ngày 01/9/2007 của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng. Địa chỉ : số 30/4, Khu phố 6A, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.
- Nhà máy Nước Đơn Dương: được thành lập theo Quyết định số 68/QĐ-CTN, ngày 10/12/2012 của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng. Địa chỉ: Thị trấn Thanh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.
- Nhà máy Nước Đạ Huoai: được thành lập theo Quyết định số 69/QĐ-CTN, ngày 10/12/2012 của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng. Địa chỉ: Thị trấn Madaguoil, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.
- Nhà máy Nước Đam Rông: được thành lập theo Quyết định số 67/QĐ-CTN, ngày 10/12/2012 của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng. Địa chỉ: Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.
- Xí nghiệp cấp nước Đà Lạt: được thành lập theo Quyết định số 25/QĐ-CTN, ngày 03/3/2011 của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng; Địa chỉ : số 14 Quang Trung, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
- Ban quản lý Dự án: được thành lập theo Quyết định số 30/QĐ-CTN, ngày 05/02/2009 của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng. Địa chỉ: số 14 Quang Trung, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
- Xí Nghiệp Quản lý Thủy lượng kế: được thành lập theo Quyết định số 47/QĐ-CTN, ngày 10/5/2011 của Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng. Địa chỉ: số 343 Phan Đình Phùng, Thành Phố Đà Lạt,

tỉnh Lâm Đồng.

Lĩnh vực hoạt động của Công ty

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh phụ:

- Tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước, giám sát thi công công trình xây dựng. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thẩm tra dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường. Thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Thi công xây dựng công trình: Cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; Sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; Quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; Tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho sử dụng trong sản xuất kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị hàng tồn kho sử dụng trong các công trình xây dựng cơ bản được xác định theo giá đích danh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.8 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng nguyên giá TSCĐ tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Trong trường hợp tài sản đã được nghiệm thu nhưng chưa hoàn tất thủ tục quyết toán, nguyên giá tài sản được ghi tăng theo giá tạm tính.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao hàng năm được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 30 năm
- Thiết bị quản lý	05 - 10 năm
- Các tài sản khác	04 - 25 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Từ tháng 6/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau: Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 03 năm tài chính.

2.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là các chi phí phát sinh trực tiếp để xây dựng các tài sản cần thiết phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc.

2.10 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

2.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

2.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu kinh doanh nước sạch của Công ty được ghi nhận căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước vào thời điểm ghi nhận chỉ số nước (thường không trùng khớp với thời điểm kết thúc niên độ).

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và lãi đầu tư và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	144.443.432	134.899.894
Tiền gửi ngân hàng	8.361.053.704	3.480.940.264
	8.505.497.136	3.615.840.158

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	1.880.466.742	3.825.946.742
Phải thu khác	3.667.628.422	2.610.857.909
- Phải thu Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước Lâm Đồng	1.432.090.476	1.432.090.476
- Phải thu giá trị các công trình vượt quyết toán tại XN Xây lắp	915.374.720	-
- Phải thu Trung tâm Quỹ đất chi phí di dời Văn phòng Công ty	326.355.000	326.355.000
- Phải thu Ngân sách chi phí quản lý lồng hồ ĐanKia	191.556.507	-
- Phải thu về thuế Thu nhập cá nhân	110.771.532	189.483.346
- Vật tư dự phòng	117.718.400	137.683.600
- Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	365.720.000	-
- Phải thu các đối tượng khác	208.041.787	525.245.487
	5.548.095.164	6.436.804.651

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.344.944.732	13.774.753.056
Công cụ, dụng cụ	1.491.979.012	1.004.430.285
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.239.341.225	770.654.801
	<u>18.076.264.969</u>	<u>15.549.838.142</u>

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.745.093.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	239.170.860
Thuế thu nhập cá nhân	428.022.081	408.923.651
Các khoản khác phải thu Nhà nước	235.168.702	-
	<u>663.190.783</u>	<u>3.393.187.909</u>

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	306.754.706	418.997.995
Ký quỹ	24.172.500	24.172.500
	<u>330.927.206</u>	<u>443.170.495</u>

CÔNG TY TNHH MTV CÁP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Số 14 Quang Trung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	34.787.999.548	23.684.755.659	132.193.106.753	2.063.443.020	2.887.914.132	195.617.219.112
Số tăng trong năm	1.918.551.512	2.621.482.446	31.690.516.563	563.298.974	13.237.541.752	50.031.391.247
- Mua trong năm	-	231.287.106	-	563.298.974	-	794.586.080
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.624.289.911	2.390.195.340	31.690.516.563	-	13.237.541.752	48.942.543.566
- Phân loại từ TSCĐ vô hình	294.261.601	-	-	-	-	294.261.601
Số giảm trong năm	(515.287.713)	(758.725.601)	(1.140.137.571)	(1.257.759.339)	(36.394.606)	(3.708.304.830)
- Chuyển sang TSCĐ vô hình	(141.967.152)	-	-	(365.588.747)	-	(507.555.899)
- Thanh lý nhượng bán	-	(44.950.000)	(771.153.800)	-	-	(816.103.800)
- Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(373.320.561)	(713.775.601)	(368.983.771)	(892.170.592)	(36.394.606)	(2.384.645.131)
Số dư cuối năm	36.191.263.347	25.547.512.504	162.743.485.745	1.368.982.655	16.089.061.278	241.940.305.529
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	9.534.767.910	14.506.939.758	38.714.716.279	1.317.338.022	774.835.400	64.848.597.369
Số tăng trong năm	743.683.127	1.366.077.358	5.536.568.716	1.058.117.072	627.973.956	9.332.420.229
- Khấu hao trong năm	743.683.127	1.366.077.358	5.536.568.716	1.058.117.072	627.973.956	9.332.420.229
Số giảm trong năm	(163.026.148)	(259.435.426)	(923.879.038)	(1.087.080.007)	(6.287.875)	(2.439.708.495)
- Thanh lý nhượng bán	-	(44.950.000)	(771.153.800)	-	(816.103.800)	(816.103.800)
- Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	-	-	(352.168.112)	-	(352.168.112)
- Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(163.026.148)	(214.485.426)	(152.725.238)	(734.911.895)	(6.287.875)	(1.271.436.583)
Số dư cuối năm	10.115.424.889	15.613.581.690	43.327.405.956	1.288.375.087	1.396.521.481	71.741.309.103
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	25.253.231.638	9.177.815.901	93.478.390.474	746.104.998	2.113.078.732	130.768.621.743
Tại ngày cuối năm	26.075.838.458	9.933.930.814	119.416.079.789	80.607.568	14.692.539.797	170.198.996.426

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.911.353.078 VND.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	889.885.449
Số tăng trong năm	507.555.899
- Nhận chuyển từ TSCĐ hữu hình	507.555.899
Số giảm trong năm	(319.023.506)
- Giảm theo thông tư 45/2013/TT-BTC	(24.761.905)
- Giảm do phân loại sang TSCĐ hữu hình	(294.261.601)
Số dư cuối năm	<u>1.078.417.842</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	109.759.737
Số tăng trong năm	393.796.878
- Khấu hao trong năm	41.628.766
- Nhận từ TSCĐ HH	352.168.112
Số giảm trong năm	(114.423.869)
- Giảm theo thông tư 45/2013/TT-BTC	(24.761.905)
- Giảm khác	(89.661.964)
Số dư cuối năm	<u>389.132.746</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	780.125.712
Tại ngày cuối năm	<u>689.285.096</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Tiêu dự án Tuyến cạnh tranh 6 Thị trấn ^[1]	66.092.765.082	107.317.514.204
Tiêu dự án Nâng cấp và mở rộng Hệ thống cấp nước Tp. Đà Lạt ^[2]	4.749.034.852	4.925.489.580
Tiêu dự án Thoát nước, thu gom và xử lý nước thải Tp. Đà Lạt ^[3]	8.678.169.572	4.040.537.362
Các dự án khác	2.036.057.324	4.094.964.349
	<u>81.556.026.830</u>	<u>120.378.505.495</u>

^[1]Tiêu dự án Tuyến cạnh tranh thuộc dự án Phát triển cấp nước Đô thị Việt Nam tại 6 thị trấn gồm: Thị trấn Tân Hà, Thị trấn Nam Ban, Thị trấn Madagui, Thị trấn Đambri, Thị trấn Đ'ran, Thị trấn Bằng Lãng với mục tiêu: Cung cấp nước sinh hoạt cho các thị trấn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Tổng mức đầu tư được duyệt là 174.270.000.000 VND được tài trợ bởi nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới là 137.960.000.000 VND, vốn đối ứng của Tỉnh và doanh nghiệp là 36.310.000.000 VND. Thời gian thực hiện dự án từ năm 2009 đến năm 2013.

^[2]Tiêu dự án Nâng cấp và mở rộng Hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt với mục tiêu: Nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt nhằm giải quyết những bất cập về cơ sở hạ tầng đô thị, đảm bảo cấp nước đầy đủ cho các nhu cầu phát triển, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Đà Lạt. Tổng mức đầu tư được duyệt là 349.208.368.220 VND (tương đương 19.389.693 USD) được tài trợ bởi nguồn vốn vay IDA và IBRD của Ngân hàng Thế giới (69,52%) và vốn đối ứng từ Ngân sách (30,48%). Thời gian thực hiện từ năm 2010 đến năm 2020.

^[3]Tiêu dự án Xây dựng Hệ thống thoát nước và thu gom xử lý nước thải thành phố Đà Lạt với mục tiêu: Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt nhằm giải quyết những bất cập về cơ sở hạ tầng đô thị, từng bước cải thiện môi trường đô thị, góp phần phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Tổng mức đầu tư được duyệt là 390.724.735.604 VND (tương đương 21.694.877 USD) sử dụng nguồn vốn vay IDA của Ngân hàng Thế giới (69,52%) và đối ứng từ Ngân sách (30,48%). Thời gian thực hiện từ năm 2010 đến năm 2020.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	25.758.000.000	25.758.000.000
Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc	20.503.000.000	20.503.000.000
Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Di Linh	5.255.000.000	5.255.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	20.567.000.000	20.567.000.000
Công ty CP Dịch vụ Du lịch Thung Lũng Vàng	17.528.000.000	17.528.000.000
Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	2.889.000.000	2.889.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Cấp thoát nước Lâm Đồng	150.000.000	150.000.000
	46.325.000.000	46.325.000.000

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc	Lâm Đồng	75,94%	75,94%	Cấp thoát nước
Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Di Linh	Lâm Đồng	57,12%	57,12%	Cấp thoát nước

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ Du lịch Thung Lũng Vàng	Lâm Đồng	48,13%	48,13%	Dịch vụ du lịch, nhà hàng
Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Lâm Đồng	32,10%	32,10%	Cấp thoát nước
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Cấp thoát nước Lâm Đồng	Lâm Đồng	25,00%	25,00%	Tư vấn xây dựng công trình nước

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.277.642.898	7.824.812.797
Số tăng trong năm	4.277.688.320	4.311.328.777
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(3.883.488.562)	(3.780.006.135)
Giảm khác	-	(78.492.541)
Số dư cuối năm	8.671.842.656	8.277.642.898

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.397.073.490	7.561.055.388
Chi phí trả trước khác	1.274.769.166	716.587.510
	8.671.842.656	8.277.642.898

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết tại thuyết minh 17)	5.962.000.000	2.981.000.000
	5.962.000.000	2.981.000.000

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	131.242.862	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	134.604.195	-
Thuế tài nguyên	-	74.952.166
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	413.333.712	241.956.527
	679.180.769	316.908.693

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả tại ngày 31/12/2013 là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các khoản vay thuộc Hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng ngày 16/12/2009 (Thuyết minh 17).

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	33.889.329	1.249.365.624
Bảo hiểm xã hội	27.006.038	29.688.508
Các khoản phải trả phải nộp khác	5.279.748.257	4.729.569.902
- Phải trả tiền bảo hành công trình giữ lại	1.387.150.683	2.259.696.297
- Phải trả Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Thung Lũng Vàng	986.885.020	1.086.420.973
- Phải trả Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Đức Trọng	-	44.705.735
- Phải trả phí nước thải	439.269.740	128.231.785
- Nguồn vốn được cấp cho hạng mục Quy trình vận hành, đánh giá an toàn đập Đankia và Tuyên Lâm	1.708.710.000	-
- Phải trả tiền nước trên hệ thống tại Thành phố Đà Lạt	242.453.577	672.666.644
- Phải trả tiền ký quỹ sử dụng tiền nước	309.729.653	304.810.552
- Phải trả, phải nộp khác	205.549.584	233.037.916
	5.340.643.624	6.008.624.034

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn đối tượng khác	92.409.918.345	98.371.918.345
Bộ Tài chính Việt Nam ^[*]	92.409.918.345	98.371.918.345
	<u>92.409.918.345</u>	<u>98.371.918.345</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2013:

[*] Hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng ngày 16/12/2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA.

- Mục đích tài trợ vốn cho tiêu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn: Thị trấn Tân Hà, huyện Lâm Hà; Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà; Thị trấn Madaguoil, huyện Đa Huoai; Thị trấn Đambri huyện Đa Huoai; Thị trấn Đ'ran, huyện Đơn Dương; Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam.
- Hạn mức: Bộ Tài chính Việt Nam dành cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam tương đương không vượt quá 137.960.000.000 VND.
- Thời hạn vay: Khoản vay hoàn trả cho Bộ Tài chính Việt Nam trong thời hạn 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên từ khoản vay lại, trong đó có 3 năm ân hạn, thực hiện theo 34 bán niên bằng nhau vào các ngày 01/06 và 01/12 hàng năm.
- Lãi suất vay áp dụng thống nhất cho thời hạn vay nêu trên là 3%/năm; Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay được tính từ ngày đến hạn mà không trả cho đến ngày thực trả nếu chậm từ 15 ngày trở lên.
- Tổng số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2013 là 98.371.918.345 VND, nợ gốc phải trả trong năm 2014 là 5.962.000.000 VND.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Số 14 Quang Trung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2012	194.600.389.605	5.101.466.666	2.401.963.771	3.715.148.179	992.315.469	206.811.283.690
- Lãi từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	1.620.557.440	-	1.620.557.440
- Phân phối lợi nhuận	-	4.405.374.471	162.886.640	(5.335.705.619)	-	(767.444.508)
- Nhận vốn nhà nước tại Công ty con	941.413.749	-	-	-	-	941.413.749
- Nhận vốn cấp từ Ngân sách	-	-	-	-	9.279.948.944	9.279.948.944
- Mua sắm TSCĐ từ Quỹ đầu tư phát triển	5.754.531.571	(5.754.531.571)	-	-	-	-
- Tặng khác	27.989.961	-	-	-	-	27.989.961
- Bù chi phí cổ phần hóa	(363.200.000)	-	-	-	-	(363.200.000)
- Giảm khác	-	-	(98.559.993)	-	(27.989.961)	(126.549.954)
Số dư tại 31/12/2012	200.961.124.886	3.752.309.566	2.466.290.418	-	10.244.274.452	217.423.999.322
- Lãi từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	1.588.026.682	-	1.588.026.682
- Phân phối lợi nhuận	-	476.408.007	-	(1.588.026.682)	-	(1.111.618.675)
- Nhận vốn cấp từ Ngân sách	-	-	-	-	6.954.765.052	6.954.765.052
- Điều chỉnh theo Thông tư 220/2013/TT-BTC	-	2.453.640.417	(2.453.640.417)	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(12.650.001)	-	-	(12.650.001)
Số dư tại 31/12/2013	200.961.124.886	6.682.357.990	-	-	17.199.039.504	224.842.522.380

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174, đăng ký lần đầu ngày 11/11/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/4/2011 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng và Quyết định bổ sung tăng vốn điều lệ số 2852/QĐ-UBND, ngày 19/12/2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng thì vốn điều lệ của Công ty là 183.000.000.000 VND. Hiện tại vốn điều lệ ghi nhận theo sổ sách của Công ty đã vượt vốn điều lệ đăng ký là 17.961.124.886 VND. Công ty dự kiến trong những năm tiếp sau sẽ hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc tăng vốn phát sinh năm 2011, 2012.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán nước sạch	115.479.952.458	105.848.766.131
Doanh thu lắp đặt ống nước	9.151.760.891	6.913.036.455
Doanh thu khác	217.544.057	129.770.728
	<u>124.849.257.406</u>	<u>112.891.573.314</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán nước sạch	98.958.959.294	89.583.253.434
Giá vốn lắp đặt ống nước	8.035.634.575	6.734.865.649
Giá vốn hoạt động khác	254.956.366	15.011.010
	<u>107.249.550.235</u>	<u>96.333.130.093</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi	73.625.301	117.957.732
Cổ tức, lợi nhuận được chia	466.701.516	2.470.670.913
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	18.504.632	-
	<u>558.831.449</u>	<u>2.588.628.645</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuê bao đồng hồ	3.080.017.146	2.989.523.522
Chi phí khác bằng tiền	198.104.546	426.679.128
	<u>3.278.121.692</u>	<u>3.416.202.650</u>

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Nhân viên quản lý	3.962.041.479	2.425.058.989
Vật liệu quản lý	234.765.341	88.989.560
Chi phí xăng xe, công tác phí	1.445.996.671	1.576.151.238
Khấu hao TSCĐ	201.788.742	95.651.627
Chi phí dự phòng	-	1.589.374.774
Thuế, phí và lệ phí	28.411.951	153.489.607
Chi phí bằng tiền khác	7.237.968.116	7.624.611.036
	<u>13.110.972.300</u>	<u>13.553.326.831</u>

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Nhập phục hồi đồng hồ nước	164.100.000	153.420.000
Xử lý Quỹ dự phòng Trợ cấp mất việc làm	-	406.758.726
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	430.909.091	-
Thu nhập từ tiền điện các đơn vị khác sử dụng	628.965.957	347.222.503
Thu nhập khác	655.167.537	345.642.245
	1.879.142.585	1.253.043.474

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Các chi phí liên quan thanh lý Tài sản cố định	13.810.000	-
Thanh lý vật tư	121.482.041	-
Chi phí tiền điện cho các đơn vị ngoài sử dụng lại	626.650.164	345.944.063
Chi phí khác	-	679.113.079
	761.942.205	1.025.057.142

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.961.801.737	1.735.367.845
Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.648.510.459
- Chi phí dự phòng không được trừ	-	1.648.510.459
Các khoản điều chỉnh giảm	(466.701.516)	(2.924.636.684)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(466.701.516)	(2.421.873.862)
- Chuyển lỗ tính thuế TNDN năm 2011	-	(502.762.822)
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế	1.495.100.221	459.241.620
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	373.775.055	114.810.405
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(239.170.860)	(353.981.265)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	134.604.195	(239.170.860)

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.505.497.136	-	3.615.840.158	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.275.589.882	-	11.528.291.129	(1.648.510.459)
Cộng	16.781.087.018	-	15.144.131.287	(1.648.510.459)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	98.371.918.345	101.352.918.345
Phải trả người bán, phải trả khác	15.283.565.075	17.286.613.962
Chi phí phải trả	261.828.372	-
Cộng	113.917.311.792	118.639.532.307

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.505.497.136	-	-	8.505.497.136
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.275.589.882	-	-	8.275.589.882
Cộng	16.781.087.018	-	-	16.781.087.018
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.615.840.158	-	-	3.615.840.158
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.879.780.670	-	-	9.879.780.670
Cộng	13.495.620.828	-	-	13.495.620.828

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	5.962.000.000	23.847.745.493	68.562.172.852	98.371.918.345
Phải trả người bán, phải trả khác	15.283.565.075	-	-	15.283.565.075
Chi phí phải trả	261.828.372	-	-	261.828.372
Cộng	21.507.393.447	23.847.745.493	68.562.172.852	113.917.311.792
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	2.980.968.187	23.847.745.493	74.524.204.665	101.352.918.345
Phải trả người bán, phải trả khác	17.286.613.962	-	-	17.286.613.962
Cộng	20.267.582.149	23.847.745.493	74.524.204.665	118.639.532.307

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Cổ tức được nhận			
Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Di Linh	Công ty con	53.716.543	315.300.000
Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Bảo Lộc	Công ty con	-	1.230.180.000
Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Công ty liên kết	231.120.000	-
Công ty CP Dịch vụ Du lịch Thung lũng Vàng	Công ty liên kết	181.864.973	876.393.862

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu khác			
Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Di Linh	Công ty con	1.880.466.742	2.595.766.742
Công ty CP Tư vấn XD Cấp thoát nước Lâm Đồng	Công ty liên kết	1.432.090.476	1.432.090.476
Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Bảo Lộc	Công ty con	-	1.230.180.000
Phải trả, phải nộp khác			
Công ty CP Dịch vụ Du lịch Thung lũng Vàng	Công ty liên kết	986.885.020	1.086.420.973
Công ty CP Cấp nước Xây dựng Đức Trọng	Công ty liên kết	-	44.705.735

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.399.030.653	1.336.353.531

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Trong số liệu BCTC năm 2012 đã được kiểm toán nêu trên đã bao gồm số liệu điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến việc ghi giảm Doanh thu tài chính 1.545.480.000 VND để nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp, dẫn đến điều chỉnh giảm Quỹ Đầu tư phát triển 695.466.000 VND, Quỹ Dự phòng tài chính 154.548.000 VND và Quỹ Khen thưởng phúc lợi 695.466.000 VND do Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2012. Tuy nhiên, theo Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17/09/2010 và văn bản số 164/UBND-ĐMDN ngày 10/01/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng thì việc phân phối lợi nhuận năm 2012 của Công ty như đã nêu ở trên là phù hợp với các quy định hiện hành. Do vậy, Công ty thực hiện điều chỉnh hủy các bút toán đã ghi giảm các quỹ theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước vào Báo cáo tài chính năm 2012.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu khác cũng được Công ty thực hiện phân loại lại để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng Cân đối kế toán			
Hàng tồn kho	141	15.549.838.142	14.779.183.341
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	120.378.505.495	116.408.795.741
Đầu tư vào công ty con	251	25.758.000.000	43.286.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	20.567.000.000	3.039.000.000
Vay và nợ ngắn hạn	311	2.981.000.000	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	900.844.016
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	6.008.624.034	7.554.104.034
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(98.805.842)	(794.271.842)
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339	900.844.016	-
Vay và nợ dài hạn	334	98.371.918.345	101.352.918.345
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	200.961.124.886	211.205.399.338
Quỹ đầu tư phát triển	417	3.752.309.566	3.056.843.566
Quỹ dự phòng tài chính	418	2.466.290.418	2.311.742.418
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	10.244.274.452	-
Nguồn kinh phí	432	-	(4.740.364.555)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.588.628.645	1.043.148.645



Võ Quang Tuấn
Giám đốc

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 2894...quyển số 06...TP/CCSCT/SGT
Ngày 08 tháng 12 năm 2014

Nguyễn Văn Dũng
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 06 năm 2014



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đoàn Quang Lưu

PHẦN II

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

M.S.D.A.

07
: PI
3 C
QU
-T

Y
N
H
H
H
★

Số: 1071 /2014/BCKT.TC-AASC.KT5

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành báo cáo kiểm toán vào ngày 27 tháng 06 năm 2014 trình bày ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán về báo cáo tài chính, chúng tôi cũng xem xét tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ của báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ Đảm bảo (ISAE) 3000. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải có được sự hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các vấn đề tuân thủ có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu trên báo cáo tài chính, cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính, kiểm tra và đánh giá hiệu quả thiết kế và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện các thủ tục khác mà chúng tôi cho là cần thiết trong bối cảnh của Công ty để có được đầy đủ bằng chứng thích hợp cho ý kiến của chúng tôi.

Do hạn chế vốn có của kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính, bao gồm cả khả năng thông đồng hoặc kiểm soát không phù hợp, dẫn đến các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót có thể xảy ra và không thể ngăn ngừa hoặc phát hiện một cách thường xuyên. Ngoài ra, các kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính trong tương lai cũng sẽ tùy thuộc vào các rủi ro mà hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được cập nhật phù hợp, do những thay đổi về bối cảnh hoặc mức độ không tuân thủ với các chính sách, thủ tục đã được thiết lập.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến quá trình luân chuyển chứng từ doanh thu và chi phí xây dựng cơ bản của Công ty chưa vận hành hiệu quả. Điều này dẫn đến việc ghi nhận thiếu doanh thu và giá vốn của năm 2013 của một số công trình lắp đặt hệ thống cấp nước đã được khách hàng nghiệm thu với số tiền lần lượt là 994.863.536 VND và 897.036.405 VND, ghi nhận thiếu chi phí xây dựng cơ bản dở dang đối với chi phí lập quy trình vận hành, đánh giá an toàn đập hồ Tuyên Lâm và ĐanKia với số tiền là 1.422.345.455 VND; và

Chi phí lãi vay phát sinh năm 2011 từ hợp đồng vay phục vụ dự án Khu du lịch sinh thái Thung lũng Vàng Gardens (dự án đã bàn giao cho Công ty liên kết) lại được vốn hóa vào tiểu dự án Tuyên cạnh tranh thuộc dự án Phát triển Cấp nước đô thị Việt Nam của Công ty với số tiền 1.055.497.222 VND; và

Trong năm, khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 1.648.510.459 VND được sử dụng để xử lý xóa nợ phải thu. Tuy nhiên, các thủ tục, hồ sơ có liên quan chưa được thực hiện đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Công ty đã duy trì hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo Báo cáo tài chính được lập không còn chứa đựng các vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Vấn đề khác

Báo cáo này lập trong khuôn khổ cuộc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng, chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Ngân hàng Thế giới, Bộ Tài chính và các bên liên quan trong khuôn khổ hợp đồng kiểm toán ký với Ban Quản lý Dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật (Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng Việt Nam).



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0063-2013-002-1

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2013



Trần Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0593-2013-002-1

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đoàn Quang Lưu

PHẦN III

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ

Đ. Đ.
VÀ
CÓN
ĐOÀN
LAT

Số: 1071 /2014/BCKT.TC-AASC.KT5

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành báo cáo kiểm toán vào ngày 27 tháng 06 năm 2014 trình bày ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán về báo cáo tài chính, chúng tôi đã kiểm tra việc tuân thủ các điều khoản của Hiệp định Tín dụng số IDA 4948-VN, pháp luật, các quy định có liên quan đến hoạt động của Công ty có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 (“yêu cầu”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật, các quy định và các điều khoản có liên quan đến Yêu cầu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về việc tuân thủ các Yêu cầu dựa trên các thủ tục của chúng tôi. Trách nhiệm của chúng tôi cũng bị giới hạn bởi các thử nghiệm tuân thủ các Yêu cầu, nên sẽ không bao gồm toàn bộ các thử nghiệm tuân thủ tất cả các luật và quy định có thể áp dụng đối với Công ty.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ Đảm bảo (ISAE) 3000. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định của đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch, thực hiện các thủ tục để có được sự đảm bảo hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tuân thủ các Yêu cầu.

Dịch vụ đảm bảo cho việc báo cáo về tính tuân thủ với những Yêu cầu của Công ty bao gồm các thủ tục thực hiện để thu thập các bằng chứng chứng minh mọi hoạt động của Công ty không còn chứa đựng những vi phạm trọng yếu về tính tuân thủ theo những Yêu cầu này. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải có sự hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến tính tuân thủ theo Yêu cầu. Các thủ tục được lựa chọn phụ thuộc vào xét đoán của chúng tôi, bao gồm việc đánh giá các rủi ro mà Công ty có thể không tuân thủ các Yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính. Các thủ tục của chúng tôi cũng bao gồm các thử nghiệm tuân thủ các Yêu cầu mà chúng tôi cho là cần thiết để đảm bảo hợp lý rằng Công ty đã tuân thủ các Yêu cầu.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty thực hiện vốn hóa chi phí đi vay phát sinh năm 2011 từ hợp đồng vay phục vụ dự án Khu du lịch sinh thái Thung lũng Vàng Gardens (dự án đã bàn giao cho Công ty liên kết), vào tiểu dự án Tuyển cạnh tranh thuộc dự án Phát triển Cấp nước đô thị Việt Nam của Công ty với số tiền 1.055.497.222 VND. Việc vốn hóa chi phí đi vay như trên là không phù hợp với qui định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - “chi phí đi vay”; và

Doanh thu và giá vốn của năm 2013 của một số công trình lắp đặt hệ thống cấp nước đã được khách hàng nghiệm thu nhưng chưa được Công ty ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh với số tiền lần lượt là 994.863.536 VND và 897.036.405 VND là chưa phù hợp với qui định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam; và

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 1.422.345.455 VND liên quan đến việc lập quy trình vận hành, đánh giá an toàn đập hồ Tuyên Lâm và ĐanKia chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính của Công ty. Đồng thời, khoản vốn nhận từ Ngân sách để thực hiện hạng mục này đang được trình bày trên chỉ tiêu “Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác” mà không được trình bày trên chỉ tiêu “Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản” với số tiền là 1.708.710.000 VND; và

Số tiền 11.836.709.505 VND phạt chậm tiến độ đối với các nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc Tiểu dự án Tuyển cạnh tranh 6 thị trấn - Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam đã được ghi giảm Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công trình mà không được ghi tăng Thu nhập khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013. Điều này không phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam; và

Việc sử dụng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 1.648.510.459 VND để xử lý xóa nợ phải thu chưa được Công ty thực hiện đầy đủ thủ tục, hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, do đó chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với BCTC năm 2013 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, xét trên khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tuân thủ pháp luật, các Yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Vấn đề khác

Báo cáo này lập trong khuôn khổ cuộc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng, chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Ngân hàng Thế giới, Bộ Tài chính và các bên liên quan trong khuôn khổ hợp đồng kiểm toán ký với Ban Quản lý Dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật (Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng Việt Nam).



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0063-2013-002-1

Trần Thị Mai Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0593-2013-002-1

CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN AASC

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2013





Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2014

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng
Số 14, Quang Trung - Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam

Thưa Quý Ban,

Chúng tôi đã hoàn thành việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi đã xem xét các quy trình kế toán và kiểm soát nội bộ, cũng như đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật, các quy định và điều khoản của hiệp định tài trợ.

Theo đó, chúng tôi xin gửi kèm theo đây các vấn đề mà chúng tôi ghi nhận trong quá trình kiểm toán cùng với các đề xuất. Chúng tôi đã thảo luận các vấn đề này với Ban Giám đốc và những ý kiến trả lời cũng đã được nêu trong Thư này.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Ban lãnh đạo Công ty trong thời gian thực hiện cuộc kiểm toán. Chúng tôi mong sẽ tiếp tục hợp tác làm việc với Quý Ban trong thời gian tới, cũng như sẽ cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cần thiết khác.



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....quyển số.....TP/CCSCT/SGT

Ngày.....tháng.....năm 20.....

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐOÀN QUANG LƯU



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đoàn Quang Lưu

PHẦN IV

Thư quản lý

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013



Nội dung

1. Tổ chức công tác kế toán các tiểu dự án	36
2. Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	37
3. Kế toán nợ phải thu	38
4. Hạch toán doanh thu và giá vốn	39
5. Quản lý hàng tồn kho	40



TR
H
/

1. Tổ chức công tác kế toán các tiểu dự án

Kiểm tra và ảnh hưởng

Công ty đã thực hiện mở sổ chi tiết theo các mã vụ việc để ghi chép công nợ, nguồn vốn và chi phí cho từng tiểu dự án. Tuy nhiên, các mã vụ việc này chưa được tạo lập theo một nguyên tắc nhất quán và khoa học. Điều này gây khó khăn cho việc tổng hợp thông tin tài chính của các tiểu dự án.

Đề xuất

Công ty nên rà soát để sắp xếp lại hệ thống mã vụ việc theo hướng nhóm công nợ, nguồn vốn, chi phí của riêng từng tiểu dự án được hợp nhất vào các báo cáo một cách hiệu quả.

Ý kiến của Công ty

Ban Giám đốc Công ty cũng nhận thấy đây là một hạn chế trong việc tổ chức công tác kế toán liên quan đến các tiểu dự án mà Công ty là chủ đầu tư và đã có nhiều biện pháp để khắc phục hạn chế này. Trong thời gian tới, Ban Giám đốc Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu để có thể tổ chức lại và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy kế toán dự án.

2. Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản dở dang

Kiểm tra và ảnh hưởng

Chúng tôi nhận thấy các vấn đề liên quan đến việc quản lý các công trình xây dựng cơ bản của Công ty như sau:

- Hệ thống cấp nước thị trấn Đạm Ri, huyện Đạ Hoai, tỉnh Lâm Đồng (Gói LD4) thuộc Tiểu dự án Tuyển cạnh tranh có Biên bản nghiệm thu hoàn thành với nhà thầu thi công từ 30/06/2012 nhưng đến đầu năm 2013 mới chính thức vận hành thương mại. Nguyên nhân là do sau khi nhận bàn giao từ nhà thầu thi công, Công ty phải mất một thời gian để vận hành chạy thử cũng như hoàn thiện hệ thống đường ống dẫn nước.
- Công ty chưa ghi nhận kịp thời chi phí của các tiểu dự án khi có hồ sơ xác nhận khối lượng hoàn thành và hóa đơn tài chính, do sự chậm trễ trong quá trình luân chuyển hồ sơ chứng từ liên quan. Do đó, Báo cáo tài chính thường phản ánh không đầy đủ chi phí các tiểu dự án.
- Công ty thực hiện vốn hóa chi phí đi vay phát sinh năm 2011 từ hợp đồng vay phục vụ dự án Khu du lịch sinh thái Thung lũng Vàng Gardens (dự án đã bàn giao cho Công ty liên kết), vào các Tiểu dự án thuộc dự án Phát triển Cấp nước đô thị Việt Nam của Công ty với số tiền 1.055.497.222 VND. Việc vốn hóa chi phí đi vay như trên là không phù hợp với VAS số 16 - "Chi phí đi vay". Ngoài ra, khoản tiền phạt chậm tiến độ đối với các nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc Tiểu dự án Tuyển cạnh tranh 6 thị trấn - Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam được ghi giảm chi phí xây dựng cơ bản của công trình mà không ghi tăng Thu nhập khác trên Báo cáo kết quả kinh doanh với số tiền là 11.836.709.505 VND.

Đề xuất

Công ty cần có giải pháp đồng bộ trong việc thi công các hạng mục từ việc xây dựng nhà máy đến thi công các đường ống cái và ống nhánh để đưa các công trình vào sử dụng khai thác thương mại sớm nhất. Đồng thời, tổ chức rút kinh nghiệm cho các dự án triển khai sau này.

Công ty cần xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận liên quan đến các tiểu dự án nhằm đẩy nhanh quá trình này để kịp thời phản ánh chi phí phát sinh vào sổ sách kế toán.

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vốn vay riêng biệt cho việc xây dựng một tài sản dở dang nên được vốn hóa trực tiếp vào tài sản đó theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16. Khoản tiền phạt chậm tiến độ cần được ghi nhận là khoản thu nhập khác theo hướng dẫn của Chế độ kế toán Doanh nghiệp hiện hành.

Ý kiến của Công ty

Đồng ý với ý kiến kiểm toán.

3. Kế toán nợ phải thu

Kiểm tra và ảnh hưởng

Tại Xí nghiệp cấp nước Lâm Hà, Xí nghiệp cấp nước Đà Lạt tồn tại một số công nợ phải thu liên quan đến hoạt động lắp đặt ống nhánh đã lâu ngày chưa thu được. Việc để công nợ tồn đọng lâu ngày dễ dẫn đến việc các khoản công nợ này trở thành công nợ khó đòi, ảnh hưởng đến khả năng bảo toàn vốn kinh doanh.

Trong năm, Công ty sử dụng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 1.648.510.459 VND để xử lý xóa nợ phải thu. Tuy nhiên hồ sơ thủ tục liên quan chưa được thực hiện theo đúng qui định tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Việc chưa thực hiện đúng qui định nêu trên là do Công ty chưa tuân thủ đầy đủ các qui định có liên quan đến việc quản lý tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến tính chính xác và phù hợp của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính.

Đề xuất

Công ty cần đẩy mạnh hơn công tác thu hồi công nợ, đồng thời quy trách nhiệm cho từng cá nhân, tập thể liên quan để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý tài chính trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty cũng cần tuân thủ đúng qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính về việc trích lập dự và sử dụng các khoản phòng nợ phải thu khó đòi.

Ý kiến của Công ty

Về khoản công nợ tồn đọng lâu này, Công ty cũng đã nhận thấy vấn đề này. Hiện tại, Công ty và các đơn vị liên quan đang trong quá trình làm việc để đưa ra phương án xử lý. Số công nợ này giá trị không lớn nhưng để đảm bảo công tác thu hồi công nợ hiệu quả, Ban Giám đốc Công ty đã giao trách nhiệm cho người đứng đầu các xí nghiệp trong việc thu hồi các khoản công nợ này.

4. Hạch toán doanh thu và giá vốn

Kiểm tra và ảnh hưởng

Công ty chưa đảm bảo tính kịp thời trong việc ghi nhận doanh thu và giá vốn đối với một số công trình lắp đặt hệ thống cấp nước đã được chủ đầu tư nghiệm thu do sự chậm trễ trong quá trình luân chuyển hồ sơ chứng từ liên quan với số tiền tương ứng là 994.863.536 VND và 897.036.405 VND. Do đó, Báo cáo tài chính phản ánh không đầy đủ và đúng kỳ đối với các khoản doanh thu và giá vốn thực tế đã phát sinh.

Khuyến nghị

Công ty cần xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận liên quan đến quy trình hạch toán doanh thu lắp đặt hệ thống cấp nước nhằm đẩy nhanh quá trình này để phản ánh kịp thời doanh thu và giá vốn tương ứng vào sổ sách kế toán.

Ý kiến của Công ty

Đồng ý với ý kiến kiểm toán.

5. Quản lý hàng tồn kho

Kiểm tra và ảnh hưởng

Giá trị sổ sách kế toán của lô vật tư chậm luân chuyển tại ngày 31/12/2013 là 5.773.969.917 VND. Vật tư chậm luân chuyển có thể do tình trạng lỗi thời hoặc giảm sút về chất lượng. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện đánh giá chất lượng cũng như giá trị sử dụng của các vật tư này.

Đề xuất

Các vật tư chậm luân chuyển cần được đánh giá về chất lượng, phân loại phẩm cấp, từ đó kịp thời đề ra biện pháp quản lý cho từng chủng loại, từng phẩm cấp vật tư một cách hiệu quả và phù hợp.

Ý kiến của Công ty

Đồng ý với ý kiến kiểm toán. Đây chủ yếu là các vật tư thiết bị viện trợ không hoàn lại của chính phủ Đan Mạch cho hệ thống nhà máy nước Đà Lạt. Các vật tư này rất có giá trị và thuộc loại vật tư thiết bị đặc thù mà hiện trên thị trường Việt Nam không có. Các vật tư này chỉ dùng để thay thế và sửa chữa cũng như tân trang lại hệ thống máy móc của Nhà máy nước Đà Lạt.



